

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 14/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-30

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: 28

Số tờ giấy thi: 28

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 15/11/2024 Số SV có mặt: 28

Giờ thi: 12h30 Số bài thi: 28

Phòng thi: A206 Số tờ giấy thi: 28

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122050050	Lê Đình Trường	An	02/09/2004	CCQ2205B	758	<i>AD</i>	5,9	<i>AD</i>	4,4	5,2	7,3	6,0	
2	2122170708	Nguyễn Thanh	An	10/07/2000	CCQ2217R	755	<i>An</i>	6,0	<i>An</i>	2,9	4,5	6,1	5,1	
3	2122030016	Phan Bảo	An	04/10/2004	CCQ2203A	756	<i>Phan</i>	6,8	<i>Phan</i>	7,3	7,1	8,2	7,5	
4	2122270143	Phạm Khải	Ân	22/06/2004	CCQ2227C	757	<i>Pham</i>	7,2	<i>Pham</i>	5,2	6,2	7,7	6,8	
5	2123260115	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	10/11/2005	CCQ2326D	758	<i>AN</i>	6,7	<i>AN</i>	6,3	6,5	6,2	6,4	
6	2122100278	Nguyễn Trần Tuyết	Băng	08/02/2004	CCQ2210I	755	<i>Tue</i>	7,1	<i>Tue</i>	7,3	7,2	8,9	7,9	
7	2123150100	Mao Văn	Cao	31/10/2005	CCQ2315C	756	<i>cao</i>	5,2	<i>cao</i>	5,2	5,2	7,1	6,0	
8	2122030131	Lê Thành	Công	29/07/2004	CCQ2203D	757	<i>cong</i>	6,1	<i>cong</i>	7,6	6,9	7,6	7,2	
9	2122110566	Nguyễn Đình	Công	30/04/2001	CCQ2211N	758	<i>Cy</i>	9,0	<i>Cy</i>	6,1	7,6	7,9	7,7	
10	2122170716	Dụng Trung	Đức	21/02/2004	CCQ2203A	755	<i>Do</i>	4,7	<i>Do</i>	4,9	4,8	5,2	5,0	
11	2122170169	Lê Văn	Duy	01/01/2004	CCQ2217E	756	<i>Le</i>	6,9	<i>Le</i>	9,1	8,0	8,9	8,4	
12	2121030002	Nguyễn Trường	Duy	24/05/2003	CCQ2103A	757	<i>Tr</i>	8,9	<i>Tr</i>	7,9	8,4	9	8,6	
13	2122030064	Võ Trần	Duy	04/09/2004	CCQ2203B						0	4,8		
14	2123300073	Võ Thị Cẩm	Duyên	26/09/2005	CCQ2330C	755	<i>Chuy</i>	7,1	<i>Chuy</i>	5,8	6,5	7,8	7,0	
15	2122110195	Phạm Quang	Hà	29/08/2004	CCQ2211E	756	<i>Pham</i>	6,5	<i>Pham</i>	5,4	6,0	6,9	6,4	
16	2122170180	Nguyễn Ngọc	Hân	23/06/2003	CCQ2217E	757	<i>Han</i>	7,3	<i>Han</i>	6,1	6,7	8,6	7,5	
17	2123120101	Lương Thị Bích	Hạnh	20/09/2005	CCQ2312B	758	<i>Lu</i>	5,1	<i>Lu</i>	4,9	5,0	5,6	5,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Lexy

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn T. Mỹ Nhung

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

Nguyễn Thị Phương Linh

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

Nguyễn Ngọc Châu

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

Phạm Thị Phương

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Le TT Thai

Môn học: Anh văn 1 (22400301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 14/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-30

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: 28

Số tờ giấy thi: 28

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 15/11/2024 Số SV có mặt: 28

Giờ thi: 12h30 Số bài thi: 28

Phòng thi: A206 Số tờ giấy thi: 28

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2123260104	Lê Thị Thu	Hiền	08/07/2005	CCQ2326C	755	<i>Huyn</i>	5,5	<i>Huyn</i>	8,4	7,0	6,3	6,7	
19	2122170236	Nguyễn Quốc	Huấn	26/09/2004	CCQ2217F	756	<i>Quoc</i>	4,7	<i>Huyn</i>	4,6	4,7	8,4	6,2	
20	2122150057	Huỳnh Huy	Hùng	17/08/2004	CCQ2215C	757	<i>Huy</i>	4,1	<i>Huy</i>	6,1	5,1	8,1	6,3	
21	2122170228	Ngô Nguyễn Gia	Huy	09/12/2004	CCQ2217F	758	<i>Huy</i>	5,0	<i>Huy</i>	4,6	4,8	7	5,7	
22	2123150095	Trần Vũ Quang	Huy	13/09/2005	CCQ2315C	755	<i>TA</i>	8,6	<i>TA</i>	7,9	8,3	9,3	8,7	
23	2123150092	Nguyễn Hoàng Bảo	Khanh	07/03/2005	CCQ2315C	756	<i>Phan</i>	9,7	<i>Phan</i>	9,1	9,4	9,6	9,5	
24	2123170375	Huỳnh Anh	Khuong	13/07/2005	CCQ2317K	757	<i>Khu</i>	7,6	<i>Khu</i>	4,1	5,9	7,3	6,5	
25	2121170241	Trần Hoàng	Kiên	17/10/2003	CCQ2117G	758	<i>Kien</i>	3,3	<i>Kien</i>	4,2	3,8	6,2	4,8	
26	2123260006	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	15/11/2005	CCQ2326A	755	<i>Linh</i>	5,1	<i>Linh</i>	0,5	2,8	5,2	3,8	
27	2123200638	Lê Dư	Lộc	19/01/2004	CCQ2320G	756	<i>Lo</i>	5,2	<i>Lo</i>	6,2	5,7	6,8	6,1	
28	2122030126	Nguyễn Thành	Lợi	26/09/2003	CCQ2203D	757	<i>Loi</i>	5,3	<i>Loi</i>	8,0	6,7	4,8	5,9	
29	2122170590	Nguyễn Văn	Lợi	20/01/2004	CCQ2217O	758	<i>Loi</i>	4,9	<i>Loi</i>	3,6	4,3	5,2	4,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

A: 21
H: 05

Cán bộ coi thi 1

ngân
Đ.K. Ngân

Cán bộ coi thi 2

Phu
Lê Nguyễn

G. Viên chấm thi 1

Môn Viết

Thảo Ly
Nguyễn Thị Phương Linh

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết

Nguyễn Ngọc Châu

G. Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

Phạm Thị Thảo

G. Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

C. Châu
Lê Thảo

Môn học: Anh văn 1 (22400301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 14/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 26

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 15/11/2024

Giờ thi: 12h30

Phòng thi: A206

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2121170445	Trần Long	Mạnh	09/04/2003	CCQ2117M	755	<i>Thanh</i>	3,6	<i>Thanh</i>	5,1	4,4	6,3	5,2	
2	2121210118	Quân Lê	Minh	05/01/2002	CCQ2121D	756	<i>Minh</i>	4,5	<i>Minh</i>	0,5	2,5	6,8	4,2	
3	2122260061	Võ Trà	My	26/10/2004	CCQ2226B	757	<i>My</i>	4,6	<i>My</i>	3,9	4,3	4,4	4,3	
4	2123230004	Huỳnh Phương	Nam	05/05/2005	CCQ2323A	758	<i>Nam</i>	6,0	<i>Nam</i>	6,8	6,4	7,9	7,0	
5	2123260098	Nguyễn Phạm Ánh	Nguyệt	28/01/2005	CCQ2326C	755	<i>nguyệt</i>	4,0	<i>nguyệt</i>	3,5	3,8	7,7	5,4	
6	2121030035	Phạm Thanh	Nhật	24/12/2003	CCQ2103A							3,5		
7	2123100072	Trương Ngọc	Nhi	20/07/2005	CCQ2310C	757	<i>Nhi</i>	5,6	<i>Nhi</i>	5,1	5,4	6,5	5,8	
8	2122110580	Dương Đào Huỳnh	Như	02/09/2004	CCQ2211N	758	<i>Như</i>	5,6	<i>Như</i>	7,4	6,5	8	7,1	
9	2123100112	Đặng Thị Mỹ	Ni	17/12/2005	CCQ2310D	755	<i>Ni</i>	4,4	<i>Ni</i>	3,8	4,1	5,1	4,5	
10	2122170204	Nguyễn Huỳnh	Phát	23/06/2004	CCQ2217F							0	Cần thi	
11	2122050118	Lê Tuấn	Phong	02/08/2004	CCQ2205A	756	<i>Phong</i>	6,1	<i>Phong</i>	7,3	6,7	6,5	6,6	
12	2122170222	Võ Văn	Phúc	18/08/2004	CCQ2217F	757	<i>Phúc</i>	5,9	<i>Phúc</i>	6,9	6,4	8,1	7,1	
13	2123260019	Nguyễn Thị Quỳnh	Phương	24/06/2005	CCQ2326A	758	<i>phương</i>	4,9	<i>phương</i>	4,0	4,5	7,2	5,6	
14	2123120100	Võ Thị Ngọc	Quý	14/08/2005	CCQ2312B	755	<i>Quý</i>	4,4	<i>Quý</i>	4,9	4,7	5,4	5,0	
15	2123150051	Huỳnh Tấn	Sanh	17/09/2005	CCQ2315B	757	<i>Sanh</i>	6,0			0	4	4,6	
16	2122120132	Cao Thị Hồng	Thắm	03/11/2004	CCQ2212D	758	<i>Thắm</i>	8,5	<i>Thắm</i>	6,5	7,5	9	8,1	
17	2121140038	Nguyễn Ngọc	Thắng	07/01/2001	CCQ2114A	755	<i>Thắng</i>	6,7	<i>Thắng</i>	4,5	5,6	8,5	6,8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Phan Kim Ngân

Le Nguyễn
Thảo Ly

Nguyễn Thị Phương Linh

Nguyễn Ngọc Châu

Phạm Phú Thảo

C. Châu
L. Thảo

Môn học: Anh văn 1 (22400301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 14/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 26
Số bài thi: 26
Số tờ giấy thi: 26

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 15/11/2024
Giờ thi: 12h30
Phòng thi: A206
Số SV có mặt: 25
Số bài thi: 25
Số tờ giấy thi: 25

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2122030253	Nguyễn Nhật	Thành	26/04/2004	CCQ2203H	756	Thao	6,8	Thao	8,8	7,8	7,2	7,6	
19	2123300107	Huỳnh Đa	Thiên	10/03/2004	CCQ2330C	757	Thiên	4,5	Thiên	4,5	4,5	4	4,3	
20	2122100158	Phạm Nguyễn Hoài	Thương	01/01/2004	CCQ2210E	758	Thương	8,6	Thương	8,3	8,5	9,1	8,7	
21	2122170717	Phan Duy	Tiến	19/05/2004	CCQ2217R	755	Duy	5,4	Duy	6,0	5,7	7,8	6,5	
22	2121170544	Đoàn Xuân	Toàn	02/11/2001	CCQ2117P							0	Cần thi	
23	2123300100	Mai Thị Mai	Trâm	04/04/2005	CCQ2330C	757	Tram	3,5	Tram	5,8	4,7	6,8	5,5	
24	2123260036	Huỳnh Thủy Thủy	Trang	27/08/2005	CCQ2326A	758	Trang	4,9	Trang	5,0	5,0	5,5	5,2	
25	2122270138	Võ Thị Thủy	Trình	07/10/2004	CCQ2227A	755	Thuy	7,7	Thuy	7,1	7,4	6,4	7,0	
26	2121180029	Nguyễn Minh	Trọng	09/10/2003	CCQ2118A	756	Trung	5,9	Trung	8,5	7,2	6,5	6,9	
27	2122170719	Trần Đình	Văn	12/07/2004	CCQ2217R	758	Van	4,5	Van	7,1	5,8	6,2	6,0	
28	2122200085	Lê Thanh	Vương	11/01/2003	CCQ2220C	758	Thuy	4,0	Thuy	6,8	5,4	8,5	6,6	
29	2123110079	Tạ Thanh	Xuân	23/07/2005	CCQ2311C	755	Xuan	5,5	Xuan	4,0	4,8	5,8	5,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2024-2025)

Đ: 20
H: 4

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viễn chấm thi 1
Môn Viết

G.Viễn chấm thi 2
Môn Viết

G.Viễn chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viễn chấm thi 2
Môn Văn đáp

C. Linh

Ng. H. T. Văn

Môn học: Anh văn 1 (22400303)

- Thi Viết:

Ngày thi: 14/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: **25**

Số bài thi: **25**

Số tờ giấy thi: **25**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **15/11/2024** Số SV có mặt: **24**

Giờ thi: **12h30** Số bài thi:

Phòng thi: **A301** Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123120261	Phan Thị Ngọc	Anh	27/06/2005	CCQ2312E	AV138	<i>[Signature]</i>	7,1	<i>[Signature]</i>	7,0	7,1	5,6	6,5	
2	2123050046	Nguyễn Văn	Bác	15/02/2005	CCQ2305A	757	<i>[Signature]</i>	6,2	<i>[Signature]</i>	8,1	7,2	8,2	7,6	
3	2123170046	Nguyễn Công	Bình	19/04/2005	CCQ2317B	756	<i>[Signature]</i>	4,3	<i>[Signature]</i>	0,3	2,3	5,6	3,6	
4	2123180039	Huỳnh Thái	Dương	10/01/2005	CCQ2318B	755	<i>[Signature]</i>	5,2	<i>[Signature]</i>	2	2,6	5,5	3,8	
5	2123050217	Bùi Quốc	Duy	06/01/2004	CCQ2305D	758	<i>[Signature]</i>	8,8	<i>[Signature]</i>	6,0	7,4	6,4	7,0	
6	2123110530	Nguyễn Ngọc	Duy	20/05/2005	CCQ2327E	757	<i>[Signature]</i>	6,2	<i>[Signature]</i>	8,4	7,3	8,2	7,7	
7	2123050019	Nguy Thành	Giảng	01/05/2005	CCQ2305A	756	<i>[Signature]</i>	7,2	<i>[Signature]</i>	7,7	7,5	7,1	7,3	
8	2123210132	Nguyễn Hoài	Hân	23/04/2005	CCQ2321D	755	<i>[Signature]</i>	5,4	<i>[Signature]</i>	6,8	6,1	6,6	6,3	
9	2123310011	Đoàn Thị	Hằng	27/04/2005	CCQ2331A	756	<i>[Signature]</i>	7,9	<i>[Signature]</i>	8,0	8,0	8,5	8,2	
10	2123210110	Lê Thị Thanh	Hằng	09/12/2005	CCQ2321D	757	<i>[Signature]</i>	5,5	<i>[Signature]</i>	2,9	4,2	6,3	5,0	
11	2122120589	Đào Nhật	Hào	03/01/2004	CCQ2212P							0,9		
12	2123050202	Mai Nhật	Hào	23/11/2004	CCQ2305E	755	<i>[Signature]</i>	5,0	<i>[Signature]</i>	5,6	5,3	7,2	6,1	
13	2123260194	Huỳnh Phúc	Hậu	13/10/2004	CCQ2326A							0,6		
14	2123310022	Bùi Thị Minh	Hiển	01/01/2004	CCQ2331A	757	<i>[Signature]</i>	8,1	<i>[Signature]</i>	8,4	8,3	9,4	8,7	
15	2123200444	Huỳnh Phương	Hoà	24/09/2005	CCQ2320E							0		
16	2123050011	Huỳnh Tường	Huy	11/10/2005	CCQ2305A	755	<i>[Signature]</i>	7,4	<i>[Signature]</i>	5,1	6,3	7	6,6	
17	2123050074	Nguyễn Văn	Kha	13/07/2004	CCQ2305B	758	<i>[Signature]</i>	5,5			0	4	1,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400303)

- Thi Viết:

Ngày thi: 14/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 15/11/2024 Số SV có mặt:

Giờ thi: 12h30 Số bài thi:

Phòng thi: A301 Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2123210142	Trần Thanh	Khoa	19/11/2005	CCQ2321D	752	1 Khoa	4,8	Khoa	3,0	3,9	4,5	4,1	
19	2122240119	Trần Ngọc	Lê	14/08/2004	CCQ2212P	756	Lê	8,5	Lê	8,5	8,5	8,5	8,5	
20	2123120693	Nguyễn Thị Nhã	Linh	02/09/2003	CCQ2312L						0			
21	2123310024	Phan Mỹ	Linh	14/01/2005	CCQ2331A	758	Linh	5,4	Linh	4,6	5,0	7	5,8	
22	2122180085	Lê Xuân	Lực	04/07/2004	CCQ2218C	757	Lực	5,1	Lực	3,6	4,4	7,1	5,5	
23	2123120057	Nguyễn Thị Khánh	Ly	13/05/2005	CCQ2312B	758	Ly	5,9	Ly	6,9	6,4	8	7,0	
24	2123050020	Đạt Ngọc	Lý	15/05/2005	CCQ2305A	755	Ly	4,4	Ly	4,5	4,5	7,1	5,5	
25	2123050007	Vũ Văn	Mạnh	25/09/2005	CCQ2305A	756	Ngoc	5,0	Mạnh	5,4	5,2	7,9	6,3	
26	2123170052	Diệp Gia	Minh	26/01/2005	CCQ2317B	757	Minh	5,5	Minh	4,2	4,9	6,3	5,5	
27	2123310015	Nguyễn Thị Bích	Ngoc	19/06/2005	CCQ2331A	758	Ngoc	6,4	Ngoc	8,3	7,4	8	7,6	
28	2123210144	Lê Hoàng	Nhà	01/03/2005	CCQ2321D	755	Hoàng	7,8	Hoàng	8,5	8,2	9,3	8,6	
29	2123110103	Đỗ Nhật	Nhân	17/06/2005	CCQ2312L	756	Nhân	6,5	Nhân	7,8	7,2	3,3	5,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

A: 19
H: 1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

C. Linh

Ng. H.T. Văn

Môn học: Anh văn 1 (22400303)

- Thi Viết:

Ngày thi: 14/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D6-35

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 15/11/2024 Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 12h30 Số bài thi:

Phòng thi: A301 Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123050118	Phạm Nguyễn Hoàng	Nhật	17/04/2005	CCQ2305C	---	---	---	---	---	---	0,5	---	---
2	2123050100	Nguyễn Trung	Niên	16/12/2004	CCQ2305C	---	---	---	---	---	---	0,6	---	---
3	2123050051	Bùi Hải	Phong	10/02/2005	CCQ2305B	755	Phong	9,0	Phong	3,9	6,5	6,8	6,6	---
4	2123040071	Nguyễn Ngọc	Phúc	10/09/2005	CCQ2304A	---	---	---	---	---	---	0	---	---
5	2122180079	Đàng Lưu	Sữa	22/02/2001	CCQ2218C	753	Lưu	6,0	Lưu	8,4	7,2	7,1	7,2	---
6	2123170066	Trần Đức	Tài	02/02/2005	CCQ2317B	---	---	---	---	---	---	3,1	---	---
7	2123050157	Trương Ngọc	Thái	04/09/2005	CCQ2305D	758	Thái	8,1	Thái	8,5	8,3	6	7,4	---
8	2123210146	Trần Thị Hoàng	Thơ	06/03/2005	CCQ2321D	755	Hoàng	8,6	Hoàng	5,8	7,2	8,1	7,6	---
9	2123050097	Nguyễn Văn	Thông	01/11/2005	CCQ2305C	---	---	---	---	---	---	0,5	---	---
10	2123210186	Bùi Thị Phương	Thư	28/06/2005	CCQ2321D	757	Thư	7,4	Thư	6,2	6,8	7,6	7,1	---
11	2122170266	Huỳnh Hữu	Thuận	15/07/2004	CCQ2217G	758	Thuận	6,4	Thuận	6,1	6,3	7,6	6,8	---
12	2123050187	Phạm Công	Tiến	20/04/2005	CCQ2305D	755	Tiến	6,9	Tiến	7,3	7,1	7,4	7,2	---
13	2123050047	Nguyễn	Toàn	21/04/2005	CCQ2305A	756	Toàn	7,0	Toàn	2,6	4,8	6,9	5,6	---
14	2123050056	Nguyễn Công	Tri	28/06/2005	CCQ2305B	757	Tri	5,6	Tri	3,5	4,6	7,1	5,6	---
15	2123210123	Nguyễn Thị Hồng	Trúc	15/07/2005	CCQ2321D	758	Trúc	6,7	Trúc	8,8	7,8	6,8	7,4	---
16	2123050030	Trần Hưng	Trung	23/07/2005	CCQ2305A	755	Hưng	6,5	Hưng	6,7	6,6	6,3	6,5	---
17	2123050029	Kiều Đan	Trường	18/06/2005	CCQ2305A	756	Đan	6,7	Đan	5,9	6,3	4,8	5,7	---

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400303)

- Thi Viết:

Ngày thi: 14/11/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D6-35

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 15/11/2024 Số SV có mặt:

Giờ thi: 12h30 Số bài thi:

Phòng thi: A301 Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2123050005	Nguyễn Huy	Tú	31/08/2005	CCQ2305A	757		7,8		5,8	6,8	5,5	6,3	
19	2123050066	Lê Anh	Tuấn	22/08/2005	CCQ2305B	758		5,2		4,8	5,0	7,4	6,0	
20	2123040075	Trần Văn	Tuấn	19/09/2004	CCQ2304B						0			
21	2123050159	Châu Ngọc	Tuy	05/01/2005	CCQ2305D	756		4,8		5,4	5,1	6	5,5	
22	2123180092	Phạm Trung	Vĩ	09/04/2004	CCQ2318C						2,2			
23	2123040070	Lộ Phú	Vinh	29/11/2005	CCQ2304B						0			
24	2123210192	Nguyễn Văn	Vinh	25/01/2005	CCQ2321E	755		5,4		5,5	5,5	5,4	5,5	
25	2123050156	Trịnh Minh	Vọng	07/02/2005	CCQ2305D	756		4,8		6,1	5,5	6,6	5,9	
26	2123180014	Nguyễn Hoàng	Vũ	02/01/2005	CCQ2318A	757		4,4		0	2,2	5	3,3	
27	2123040026	Nguyễn Khắc	Vũ	06/07/2005	CCQ2304A						0			
28	2123210122	Nguyễn Thị	Xuân	21/11/2005	CCQ2321D	755		6,2		6,7	6,5	7,4	6,9	
29	2123050049	Nguyễn Công	Ý	14/07/2005	CCQ2305B	756		8,2		2,9	5,6	6	5,8	